

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Hà Nội, tháng 4 năm 2007

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**

Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006.

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Vũ Văn Chiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Ủy viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Quỳnh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Nguyễn Văn Đức**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2007.

Số: /VACO.KT.ISD

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi:** **Hội đồng quản trị**  
**Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (“PLC”)**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém, mất phẩm chất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các sản phẩm dầu mỡ nhờn kém, mất phẩm chất với tổng giá trị theo sổ sách tại thời điểm 31/12/2006 là 562 triệu VNĐ do Công ty chưa định lượng được giá trị thuần có thể thực hiện được đối với số hàng hóa này. Kiểm toán viên cũng không thể định lượng được số cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho kém, mất phẩm chất này. Nếu thực hiện trích lập dự phòng bằng 100% giá trị ghi sổ kế toán thì lãi hoạt động kinh doanh năm 2006 giảm 562 triệu VNĐ và giá trị thuần của hàng tồn kho cũng giảm đi một khoản tương ứng. Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định và cam kết sẽ thực hiện việc xử lý hết các lô hàng dầu mỡ nhờn kém mất phẩm chất này trong năm 2007.

### **Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 – Chính sách kế toán đối với các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi của khách hàng nhựa đường, Ban Giám đốc Công ty đã đề ra chính sách lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn và cho rằng nếu thực hiện trích lập dự phòng ở mức thận trọng hơn nữa thì chi phí dự phòng nợ khó đòi cần phải trích lập sẽ cao hơn mức thực tế đã trích trong năm 2006 khoảng 5 tỷ. Ban Giám đốc đã đề ra các kế hoạch xử lý nợ khó đòi trong năm 2007 bao gồm các biện pháp đôn đốc thu nợ, đảo nợ và sẽ thực hiện trích dự phòng bổ sung trong năm 2007.

### **Ý kiến chấp nhận từng phần**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các bút toán điều chỉnh cần thiết cho Báo cáo tài chính hợp nhất do ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng chưa đủ như đã nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Trương Anh Hùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0029/KTV

---

**Nguyễn Thương**  
Chủ nhiệm kiểm toán  
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM**  
Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2007

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

**MÁU B 01 – DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006	31/12/2005
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>889.722.443.433</b>	<b>711.859.174.104</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	5	<b>85.710.402.150</b>	<b>61.996.183.309</b>
1. Tiền	111		85.710.402.150	61.996.183.309
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>452.141.555.511</b>	<b>316.532.702.620</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	467.598.807.465	299.075.917.663
2. Trả trước cho người bán	132		10.789.501.888	6.884.885.591
3. Các khoản phải thu khác	138		3.653.034.457	32.574.685.625
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6	(29.899.788.299)	(22.002.786.259)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	7	<b>335.507.420.199</b>	<b>321.220.157.617</b>
1. Hàng tồn kho	141		335.507.420.199	321.220.157.617
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.363.065.573</b>	<b>12.110.130.558</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.154.407.463	180.672.665
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.837.326.013	11.929.457.893
3. Các khoản phải thu Nhà nước	153		82.934.662	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.288.397.435	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.976.282.155</b>	<b>59.185.566.370</b>
<b>I. Tài sản cố định và xây dựng cơ bản</b>	<b>220</b>		<b>54.984.011.854</b>	<b>51.543.333.228</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	45.563.676.015	45.558.419.156
- Nguyên giá	222		161.013.978.562	150.323.633.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.450.302.547)	(104.765.214.486)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	9.420.335.839	5.984.914.072
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.577.956.000</b>	<b>7.577.956.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	253	10	4.557.956.000	4.557.956.000
2. Đầu tư dài hạn khác	254		3.020.000.000	3.020.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.414.314.301</b>	<b>64.277.142</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.414.314.301	64.277.142
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>954.698.725.588</b>	<b>771.044.740.474</b>

Các thuyết minh từ trang 10 tới trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

**MÁU B 01 – DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006	31/12/2005
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>743.176.105.471</b>	<b>592.547.198.303</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>742.674.439.734</b>	<b>592.218.202.966</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	561.894.159.670	397.179.736.399
2. Phải trả người bán	312		158.733.508.465	148.827.172.257
3. Người mua trả tiền trước	313		1.820.991.997	2.660.701.179
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	9.170.097.690	8.576.267.544
5. Phải trả công nhân viên	315		7.429.863.315	6.560.028.874
6. Chi phí phải trả	316		791.329.641	911.046.606
7. Phải trả nội bộ	317		128.795.895	23.880.084.669
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2.705.693.061	3.623.165.438
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>501.665.737</b>	<b>328.995.337</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	326		501.665.737	328.995.337
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>211.522.620.117</b>	<b>178.497.542.171</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	13	<b>211.268.271.993</b>	<b>178.210.019.917</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.920.124.295	8.307.948.255
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.239.489.732	371.129.136
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		36.108.657.966	19.530.942.526
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>254.348.124</b>	<b>287.522.254</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		254.348.124	287.522.254
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>954.698.725.588</b>	<b>771.044.740.474</b>

Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2007

Ngô Đức Giang  
Trưởng phòng tài chính kế toán

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

**Mẫu B 02 – DN**  
Đơn vị: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2006</b>	<b>Năm 2005</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	16	<b>1.991.024.664.962</b>	<b>1.432.002.803.601</b>
2. Các khoản giảm trừ	03		262.538.487	145.001.058
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng</b>	<b>10</b>		<b>1.990.762.126.475</b>	<b>1.431.857.802.543</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		1.753.023.028.063	1.241.356.710.377
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng</b>	<b>20</b>		<b>237.739.098.412</b>	<b>190.501.092.166</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	17	<b>4.499.267.264</b>	<b>2.066.697.830</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>		<b>40.991.200.224</b>	<b>20.781.566.640</b>
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>33.936.785.026</i>	<i>18.384.355.954</i>
8. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý Doanh nghiệp	24		162.677.267.261	143.736.000.137
<b>9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>38.569.898.191</b>	<b>28.050.223.219</b>
10 Thu nhập khác	31	18	5.240.859.890	11.514.158.864
11 Chi phí khác	32		1.849.439.517	823.899.557
<b>12 Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>40</b>		<b>3.391.420.373</b>	<b>10.690.259.307</b>
<b>13 Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>41.961.318.564</b>	<b>38.740.482.526</b>
14 Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	19	5.852.660.599	-
<b>15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>36.108.657.965</b>	<b>38.740.482.526</b>
16. Lãi trên cổ phiếu (VNĐ/ cổ phiếu)	70	20	2.407	2.583

**Nguyễn Văn Đức**  
Tổng Giám đốc

**Ngô Đức Giang**  
Trưởng phòng tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2007



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

**Mẫu B 03 – DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2006	Năm 2005
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>41.961.318.564</b>	<b>38.740.482.526</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Khấu hao tài sản cố định	11.246.416.061	11.584.577.514
Chi phí lãi vay	33.936.785.026	18.384.355.954
Các khoản dự phòng	7.897.002.040	16.767.121.771
<b>Lưu chuyển tiền thuần trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>95.041.521.691</b>	<b>85.476.537.765</b>
(Tăng)các khoản phải thu	(143.505.854.931)	(32.917.348.157)
(Tăng) hàng tồn kho	(14.287.262.582)	(127.718.253.773)
(Tăng) tài sản lưu động khác	(6.602.972.174)	(2.932.967.808)
Tăng các khoản phải trả	6.602.129.313	46.699.957.365
Lãi vay đã trả	(33.936.785.026)	(18.384.355.954)
Nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.540.306.015)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(99.229.529.724)</b>	<b>(49.776.430.562)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Mua sắm tài sản cố định	(11.251.672.920)	(3.977.058.921)
Chi đầu tư xây dựng cơ bản	(3.435.421.767)	(4.384.295.608)
Thu thanh lý tài sản cố định	-	216.845.135
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(477.752.600)
Cổ tức đã trả	(24.000.000.000)	(8.933.270.120)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(38.687.094.687)</b>	<b>(17.555.532.114)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Nộp vốn trả lại Nhà nước theo Biên bản bàn giao vốn	-	(18.986.017.155)
Chênh lệch thu chi các khoản vay ngắn hạn	164.714.423.271	88.110.758.502
Chi tiêu từ các quỹ	(3.083.580.019)	(2.646.795.344)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>161.630.843.252</b>	<b>66.477.946.003</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>23.714.218.841</b>	<b>(854.016.673)</b>
<b>Tiền tồn đầu năm</b>	<b>61.996.183.309</b>	<b>62.850.199.982</b>
<b>Tiền tồn cuối năm</b>	<b>85.710.402.150</b>	<b>61.996.183.309</b>

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Đức**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2007

\_\_\_\_\_  
**Ngô Đức Giang**  
**Trưởng phòng tài chính kế toán**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Hóa dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, hoạt động theo Luật doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1801/2003/QĐ/BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang Công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004 theo Biên bản bàn giao ký giữa đại diện Bộ Thương mại, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Công ty Hóa dầu Petrolimex.

Cổ đông của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sở hữu 85% số cổ phần, các cổ đông khác sở hữu 15% số cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 là 554 người.

**Thay đổi mô hình tổ chức**

Ngày 25/4/2005, Đại hội đồng cổ đông chính thức thông qua đề án "Cấu trúc lại Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex" hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con: Công ty cổ phần hóa dầu Petrolimex (Công ty mẹ); Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty con), Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty con). Các Công ty con chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/3/2006.

**Hoạt động chính**

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hoá chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu.

**Đăng ký Giao dịch cổ phiếu**

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán và Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch theo Quyết định số QĐ50/TTGDHN ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và chính thức bắt đầu giao dịch từ ngày 27/12/2006.

Tên Cổ phần	:	Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (PLC)
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá 1 cổ phần	:	10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng)
Tổng giá trị đăng ký	:	150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
Tổng khối lượng đăng ký	:	15.000.000 cổ phần

Trong đó:

- Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam:	12.750.000 cổ phần
- Người lao động được mua ưu đãi :	749.200 cổ phần
- Thành viên HĐQT, BKS, TGĐ :	66.650 cổ phần
- Cổ đông khác :	1.434.150 cổ phần

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam đã được Bộ Tài chính phê chuẩn theo Công văn chấp thuận số 7108TC/CDKT ngày 27 tháng 6 năm 2002 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty CP Hóa dầu Petrolimex được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của:

- Công ty CP Hóa dầu Petrolimex (Công ty Mẹ)
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty con)
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty con)

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN MỚI**

Trong năm nay, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), cụ thể như sau:

VAS 18 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng

Việc áp dụng Chuẩn mực Kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Giá trị các khoản đầu tư liên kết được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng các khoản đầu tư vào Công ty liên kết là không trọng yếu nên không cần hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Tiền**

Tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Đối tượng được trích lập dự phòng bao gồm các khách hàng có số dư nợ quá hạn trên 90 ngày hoặc mất khả năng thanh toán, không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới. Dựa trên đặc điểm và chu kỳ kinh doanh, Công ty đã xác định chính sách dự phòng phân loại đối với khách hàng dầu nhờn, hóa chất, nhựa đường như sau:

**Đối với khách hàng Dầu mỡ nhờn, Hóa chất****Tỷ lệ trích dự phòng**

Quá hạn từ 3 tháng tới 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 năm tới 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 năm tới 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

**Đối với khách hàng Nhựa đường**

Trong năm 2006, Công ty đã căn cứ vào thực tế kinh doanh, đặc thù hoạt động của khách hàng nhựa đường và các quy định hiện hành của Nhà nước để đánh giá từng khoản nợ quá hạn để đưa ra mức trích cụ thể cho từng khách hàng. Năm 2006, chi phí dự phòng nợ quá hạn của khách hàng nhựa đường là 7,55 tỷ VNĐ (2005: 16,02 tỷ VNĐ). Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng nếu áp dụng chính sách kế toán này thận trọng hơn nữa thì chi phí dự phòng nợ quá hạn phải trích thêm là 5 tỷ VNĐ. Trong năm 2007, Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ đề ra các phương án để thu hồi từng khoản nợ quá hạn, đồng thời xem xét trích lập bổ sung đối với các khoản nợ quá hạn để đảm bảo an toàn về tài chính cho Công ty.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh để đưa hàng tồn kho vào địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí hoàn thành ước tính và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị hàng tồn kho và hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước đối với nguyên vật liệu, **các sản phẩm hóa dầu** và phương pháp giá hạch toán (một phương pháp giá tương đương với giá kế hoạch và giá định mức) đối với hàng hóa khác.

Dự phòng cho hàng tồn kho kém, mất phẩm chất được tính toán và trích lập theo các quy định hiện hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thể xác định được mức độ giảm giá của hàng tồn kho kém mất phẩm chất do chưa xác định chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được, do đó chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, giá trị hàng tồn kho kém, mất phẩm chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 là 562 triệu VNĐ và tin tưởng rằng số cần phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho này là không trọng yếu, do đó Công ty chưa lập dự phòng đối với số hàng kém, mất phẩm chất này. Ban Tổng giám đốc Công ty đã khẳng định và cam kết sẽ thực hiện việc xử lý hết các lô hàng dầu mỡ nhờn kém mất phẩm chất này trong năm 2007.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 – 35
Máy móc và thiết bị	8 - 9
Thiết bị văn phòng	3 – 8
Phương tiện vận tải	8

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Hạch toán Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cổ tức cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn**

Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn là khoản lập dự phòng cho các khoản lỗ của các khoản đầu tư vào các công ty và các khoản đầu tư dài hạn khác. Mức lập dự phòng bằng tỷ lệ góp vốn của công ty vào các công ty nhận đầu tư hay các khoản đầu tư dài hạn nhân với số lỗ ước tính trong năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và cam kết rằng các khoản đầu tư không phát sinh lỗ nên không cần dự phòng lỗ hoạt động đầu tư.

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm thuế 50% trong ba năm 2006, 2007 và 2008.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2006**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<b>31/12/2006</b>	<b>31/12/2005</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	5.148.677.108	6.241.385.917
Tiền gửi ngân hàng	74.674.362.382	55.452.058.392
Tiền đang chuyển	5.708.362.660	20.000.000
Vàng bạc, đá quý	179.000.000	282.739.000
	<b>85.710.402.150</b>	<b>61.996.183.309</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2006</b>	<b>31/12/2005</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nhóm khách hàng</b>		
Khách hàng dầu mỡ nhờn	133.744.759.617	69.485.442.663
Khách hàng nhựa đường	209.751.035.971	147.031.565.000
Khách hàng hóa chất	124.103.011.877	82.558.910.000
	467.598.807.465	299.075.917.663
<i>Trừ: Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(29.899.788.299)</i>	<i>(22.002.786.259)</i>
	<b>437.699.019.166</b>	<b>277.073.131.404</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2006</b>	<b>31/12/2005</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	34.900.982.423	41.828.788.967
Nguyên liệu, vật liệu	90.164.219.621	127.061.990.580
Công cụ, dụng cụ	2.537.148.717	3.412.231.245
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.660.669.430	9.831.394.744
Thành phẩm	58.937.014.642	28.178.585.593
Hàng hóa	142.307.385.366	110.907.166.488
<b>Tổng</b>	<b>335.507.420.199</b>	<b>321.220.157.617</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>335.507.420.199</b>	<b>321.220.157.617</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2006**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2006	73.776.237.083	37.757.261.610	34.385.088.076	4.405.046.873	150.323.633.642
Tăng trong năm	225.657.685	1.048.951.666	5.256.859.428	4.720.204.141	11.251.672.920
- Tăng do mua sắm, xây dựng	225.657.685	1.048.951.666	5.256.859.428	4.720.204.141	11.251.672.920
Giảm trong năm	-	71.328.000	490.000.000	-	561.328.000
- Giảm do thanh lý	-	71.328.000	490.000.000	-	561.328.000
Tại ngày 31/12/2006	74.001.894.768	38.734.885.276	39.151.947.504	9.125.251.014	161.013.978.562
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2006	51.339.761.413	27.540.444.804	23.747.961.992	2.137.046.277	104.765.214.486
Tăng trong năm	4.498.935.690	3.023.044.308	2.103.612.128	1.620.823.935	11.246.416.061
- Trích khấu hao trong năm	4.498.935.690	3.023.044.308	2.103.612.128	1.620.823.935	11.246.416.061
Giảm trong năm	-	71.328.000	490.000.000	-	561.328.000
- Do thanh lý	-	71.328.000	490.000.000	-	561.328.000
Tại ngày 31/12/2006	55.838.697.103	30.492.161.112	25.361.574.120	3.757.870.212	115.450.302.547
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2005	22.436.475.670	10.216.816.806	10.637.126.084	2.268.000.596	45.558.419.156
Tại ngày 31/12/2006	18.163.197.665	8.242.724.164	13.790.373.384	5.367.380.802	45.563.676.015

**9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty bao gồm việc xây lắp nhà cửa, các công trình kiến trúc, kho tàng, bến bãi, cầu cảng ... tại Công ty cũng như tại các chi nhánh, được quản lý tập trung và phản ánh trên Báo cáo tài chính tại văn phòng mẹ và các công ty con. Khi các công trình xây dựng hoàn thành, trên cơ sở biên bản nghiệm thu và quyết toán được duyệt, Công ty hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao theo quy định.

**10. CÔNG TY LIÊN KẾT**

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2006 VNĐ	31/12/2005 VNĐ
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810	25%	4.557.956.000	4.557.956.000

**11. VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2006 VNĐ	31/12/2005 VNĐ
Indovina Bank - Chi nhánh Hà nội	69.072.420.599	28.493.208.607
Ngân hàng Công thương Việt nam - Chi nhánh Cầu Giấy	-	20.321.809.981
Ngân hàng Công thương Việt nam - Chi nhánh Ba Đình	61.641.847.591	73.239.018.562
Công ty tài chính Dầu khí (PVFC)	52.861.404.759	43.910.105.674
Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	9.000.000.000	9.000.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam (VCB)	215.333.093.320	119.478.514.373
Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười (PG Bank)	64.000.000.000	13.500.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	89.985.393.401	78.818.347.337
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	10.418.731.865
	<b>561.894.159.670</b>	<b>397.179.736.399</b>

Các khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng tín chấp, từ các Ngân hàng trong nước và các Công ty tài chính, bảo hiểm, theo hạn mức hoặc theo hợp đồng tín dụng, với thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi suất tiền vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2006**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

khoảng 10.8% năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và khoảng 6% năm đối với khoản vay bằng Đô-la Mỹ. Tổng chi phí lãi vay phải trả cho năm 2006 phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là 33.936 triệu VNĐ (năm 2005 là 18.384 triệu VNĐ).

Các khoản vay ngắn hạn trên được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH**

	<b>31/12/2006</b>	<b>31/12/2005</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.595.202.913	6.415.659.126
Thuế nhập khẩu	939.250.295	1.608.460.835
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	3.112.538.366	(27.780.486)
Phí, lệ phí	233.508.025	222.716.000
Thuế khác	289.598.091	357.212.069
	<b>9.170.097.690</b>	<b>8.576.267.544</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm thuế 50% trong ba năm 2006, 2007 và 2008. Đây là năm đầu tiên Công ty được giảm thuế 50% (với thuế suất áp dụng là 14% trên thu nhập chịu thuế).

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của nhà đầu tư VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại 1/1/2006</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>19.530.942.526</b>	<b>8.307.948.255</b>	<b>371.129.136</b>	<b>178.210.019.917</b>
Tăng trong năm	-	-	15.612.176.040	868.360.596	16.480.536.636
Lợi nhuận trong năm	-	36.108.657.965	-	-	36.108.657.965
Phân phối lợi nhuận	-	(19.530.942.525)	-	-	(19.530.942.525)
Chi tiêu các quỹ	-	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-	-
<b>Tại 31/12/2006</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>36.108.657.966</b>	<b>23.920.124.295</b>	<b>1.239.489.732</b>	<b>211.268.271.993</b>

Ngày 25 tháng 4 năm 2006, Đại hội cổ đông thường niên đã họp và chính thức phê duyệt phương án phân phối toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 1/1/2006 với số tiền 19.530.942.526 VNĐ cho các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và chi thưởng cho Ban điều hành theo Chế độ tài chính hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2006**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2006 và 31/12/2005, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau :

	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá (VNĐ/CP)	Vốn góp VNĐ
Tổng Công ty Xăng dầu Việt nam	12.750.000	10.000	127.500.000.000
Các cổ đông khác	2.250.000	10.000	22.500.000.000
	<b>15.000.000</b>	<b>100.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**14. CỔ TỨC**

Trong năm 2006, Công ty đã thanh toán toàn bộ cổ tức được phân phối từ năm 2005 và 2004 với tổng số tiền 24 tỷ VNĐ cho cổ đông (trong đó Tổng Công ty Xăng dầu Petrolimex nhận 21,3 tỷ VNĐ, các cổ đông còn lại nhận 2,7 tỷ VNĐ).

Ngày 9 tháng 1 năm 2007, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 001A/NQ-PLC-HĐQT phê duyệt phương án tạm phân phối cổ tức năm 2006 bằng tiền là 18 tỷ VNĐ cho các cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 26 tháng 1 năm 2007). Phương án chia cổ tức năm 2006 chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên (dự kiến họp vào tháng 4 năm 2007).

**15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh : Dầu mỡ nhờn, nhựa đường và hóa chất. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo ba lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu chi tiết như sau :

- Dầu mỡ nhờn : Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh sản phẩm dầu mỡ nhờn.
- Nhựa đường : Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh sản phẩm nhựa đường
- Hóa chất : Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh sản phẩm hóa chất.

Các thông tin về bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty như sau :

<b>Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Dầu mỡ nhờn</b>	<b>Nhựa đường</b>	<b>Hóa chất</b>	<b>Loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
	<b>31/12/2006</b>	<b>31/12/2006</b>	<b>31/12/2006</b>	<b>số dư nội bộ</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Tài sản</b>					
Tiền	36.230.389.945	28.401.447.426	21.078.564.779	-	85.710.402.150
Các khoản phải thu ngắn hạn	233.526.714.749	183.265.265.497	130.920.703.737	(179.208.062.899)	368.504.621.084
Hàng tồn kho	198.606.858.211	40.062.150.673	96.838.411.315	-	335.507.420.199
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	141.642.010.469	13.275.858.022	10.058.413.664	-	164.976.282.155
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng Tài sản hợp nhất</b>	<b>610.005.973.374</b>	<b>265.004.721.618</b>	<b>258.896.093.495</b>	<b>(179.208.062.899)</b>	<b>954.698.725.588</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Phải trả ngắn hạn	418.138.977.517	203.745.293.061	200.499.897.792	(79.208.062.899)	743.176.105.471
Phải trả dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng Nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>418.138.977.517</b>	<b>203.745.293.061</b>	<b>200.499.897.792</b>	<b>(79.208.062.899)</b>	<b>743.176.105.471</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2006**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU B 09-DN****Kết quả kinh doanh**

	<b>Dầu mỡ nhờn</b>	<b>Nhựa đường</b>	<b>Hóa chất</b>	<b>Loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
	<b>Năm 2006</b>	<b>Từ 1/3/2006</b>	<b>Từ 1/3/2006</b>	<b>Năm 2006</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	961.255.391.256	442.149.891.334	587.356.843.885	-	1.990.762.126.475
Doanh thu thuần bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>961.255.391.256</b>	<b>442.149.891.334</b>	<b>587.356.843.885</b>	<b>-</b>	<b>1.990.762.126.475</b>
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	38.396.936.344	19.499.779.811	17.165.114.996	-	75.061.831.151
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	38.396.936.344	19.499.779.811	17.165.114.996	-	75.061.831.151
Doanh thu từ các khoản đầu tư	11.774.128.266	717.164.065	435.917.933	(8.427.943.000)	4.499.267.264
Lãi khác	3.342.722.056	42.298.521	6.399.796	-	3.391.420.373
Chi phí tài chính	34.109.500.478	7.377.000.841	7.932.641.905	(8.427.943.000)	40.991.200.224
Lợi nhuận trước thuế	19.404.286.188	12.882.241.556	9.674.790.820	-	41.961.318.564
Chi phí thuế TNDN	2.694.676.066	1.803.513.818	1.354.470.715	-	5.852.660.599
Lợi nhuận thuần	<b>16.709.610.122</b>	<b>11.078.727.738</b>	<b>8.320.320.105</b>	<b>-</b>	<b>36.108.657.965</b>

Kết quả kinh doanh bộ phận dầu mỡ nhờn năm 2006 đã bao gồm kết quả kinh doanh nhựa đường và hóa chất cho kỳ hoạt động từ 1/1/2006 đến 28/2/2006 do chưa tách riêng thành 02 Công ty con.

**16. DOANH THU**

	<b>Năm 2006</b>	<b>Năm 2005</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Dầu mỡ nhờn	745.506.627.299	592.421.750.557
Hóa chất, dung môi	736.330.537.636	526.422.228.280
Nhựa đường	506.158.440.010	311.835.994.690
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	3.029.060.017	1.322.830.074
	<b>1.991.024.664.962</b>	<b>1.432.002.803.601</b>

**17. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2006</b>	<b>Năm 2005</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lãi quá hạn phải thu và lãi tiền gửi ngân hàng	4.499.267.264	2.066.697.830
	<b>4.499.267.264</b>	<b>2.066.697.830</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Thuế nhập khẩu được hoàn	1.623.519.010	6.422.725.940
Nhận tiền bồi thường bảo hiểm	159.912.231	312.432.026
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản, hàng hóa	3.457.428.649	4.779.000.898
	<b>5.240.859.890</b>	<b>11.514.158.864</b>

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
<b>Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>41.961.318.564</b>	<b>38.740.482.526</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	156.600.000	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>41.804.718.564</b>	<b>38.740.482.526</b>
Thuế suất	14%	0%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.852.660.599</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (2004 và 2005) và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo (2006, 2007 và 2008). Đây là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp (chịu thuế suất 14% cho thu nhập chịu thuế).

**20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau đây :

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.108.657.965	38.740.482.526
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2006**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09-DN****21. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Năm 2006</b>	<b>Năm 2005</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng cho các bên liên quan</b>		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	335.223.858.867	409.661.403.451
Công ty liên doanh PTN	97.218.837.053	111.603.396.722
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810	6.611.920.309	3.867.007.328
<b>Mua hàng từ các Bên liên quan</b>		
Công ty liên doanh BP - PETCO	77.166.303.468	88.535.499.538
<b>Chuyển vốn về Petrolimex</b>	-	18.986.017.155
<b>Trả cổ tức cho Petrolimex</b>	21.300.000.000	6.683.270.120

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<b>31/12/2006</b>	<b>31/12/2005</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu bán hàng</b>		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	21.382.350.360	17.284.927.000
Công ty liên doanh PTN	21.357.857.226	28.939.020.173
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810	7.718.232.813	5.455.726.455
<b>Phải trả mua hàng</b>		
Công ty liên doanh BP - PETCO	12.597.264.737	6.132.424.650
<b>Cổ tức chưa trả (Petrolimex và các cổ đông khác)</b>	-	24.066.729.880

**22. CAM KẾT**

Ngày 15 tháng 2 năm 2007, Hội đồng quản trị sau khi lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản đã ra Nghị quyết số 005/NQ-PLC-ĐHĐCĐ theo đó Công ty CP Hóa dầu Petrolimex cam kết đầu tư khoảng 705 tỷ VNĐ cho giai đoạn 2007 – 2010 cho các hoạt động: đầu tư, xây dựng, mua sắm tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, góp vốn đầu tư vào các dự án của một số Doanh nghiệp khác.

**23. SỰ KIỆN XẢY RA SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 9 tháng 1 năm 2007, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 001A/NQ-PLC-HĐQT phê duyệt phương án tạm chi trả cổ tức năm 2006 bằng tiền với số tiền tạm chi là 18 tỷ VNĐ.

Ngày 15 tháng 2 năm 2007, Hội đồng quản trị sau khi lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản đã ra Nghị quyết số 005/NQ-PLC-ĐHĐCĐ thông qua những vấn đề sau:

- Phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex
- Phương án sử dụng số vốn dự kiến thu được từ chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ và cân đối tổng thể về vốn của Công ty CP Hóa dầu Petrolimex giai đoạn 2007 – 2010.
- Một số chỉ tiêu Kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận, Cổ tức của Công ty giai đoạn 2007 – 2010.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**

Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2006

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Ngoài sự kiện nêu trên, không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006.

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu trên Báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm hiện tại.